

Bản án số:39/2025/HS-ST.

Ngày: 06-6-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà **Nguyễn Thị Xuân Thùy**.

Các Hội thẩm nhân dân :

Ông **Dương Minh VTXN**.

Bà **Nguyễn Thị Kim Cúc**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Hương** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số : 35/2025/TL-HSST ngày 22 tháng 4 năm 2025; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 36/2025/QĐXXST – HS ngày 20 tháng 5 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ tên: **NQT**, sinh ngày 25 tháng 01 năm 1981 tại PC, HY. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: NK, TT, PC, HY. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Họ và tên cha: NVĐ (chết). Họ và tên mẹ: ĐTT, sinh năm: 1957, trú tại: NK, TT, PC, HY. Bị cáo có vợ tên ĐTO, sinh năm: 1982 (đã ly hôn) và hai con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm: 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam tại nhà Phân trại tạm giam Khu vực Núi Thành từ ngày 31/10/2024 đến nay. Hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Công ty A, địa chỉ trụ sở: 62 NCTh, LT, ĐĐ, HN. Đại diện theo pháp luật: Ông NNT, chức danh: Giám đốc. Địa chỉ: phường KH, quận HĐ, thành phố HN. Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông NNT1, sinh năm: 1990, địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

+ Bà VTXN, sinh năm: 1965, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

+ Bà NTN, sinh năm: 1989, địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

+ Ông PVT, sinh năm: 1990, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, NQT vào làm việc cho Công ty A do ông NNT làm đại diện theo pháp luật. Đầu năm 2024, ông NNT phân công NQT vào làm tổ trưởng bộ phận khoan cọc nhồi công trình cầu An Tân 2 tại thôn Long Bình, xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, giao cho NQT quản lý toàn bộ máy móc, thiết bị, vật tư tại công trình và quản lý hoạt động của công nhân, chỉ huy thi công khoan cọc nhồi tại công trình. Trong quá trình làm việc, NQT đã lợi dụng quyền hạn được ông NNT giao để tự ý lấy các tài sản là thiết bị, máy móc thuộc sở hữu của Công ty A để mang đi bán, cầm cố lấy tiền sử dụng vào mục đích cá nhân, cụ thể như sau:

Ngày 31/5/2024, NQT liên hệ với PVT yêu cầu PVT cầm cố giúp NQT 01 chiếc gàu cắt vanh D1200 với giá 20.000.000 đồng, PVT đồng ý cầm cố và lấy lãi 200.000 đồng/ tháng, tương đương 1%/ tháng. Đến sáng ngày 01/6/2024, sau khi PVT chuyển đủ số tiền 20.000.000 đồng vào số tài khoản ngân hàng 55110000928694 của NQT tại BIDV thì PVT điều khiển xe ô tô tải BKS 92C-167.05 của mình xuống công trình cầu An Tân 2 gặp NQT rồi NQT điều khiển xe cầu tại công trình cầu chiếc gàu cắt vanh nói trên lên xe cho PVT. PVT chở gàu cắt vanh về nhà cất giữ đến ngày 30/10/2024 thì giao nộp cho Cơ quan điều tra. Số tiền 20.000.000 đồng nhận từ PVT, NQT tiêu xài các nhân hết nhưng chưa trả lãi cho PVT.

Ngày 10/7/2024, sau khi sử dụng 01 đoạn cần Kelly của máy khoan đường kính D445mm, dài 2,92m để thi công thì đoạn cần này bị hư hỏng nên NQT đã hỏi người mua phế liệu dạo trên đường không xác định được lai lịch vào bán kiếm lời giá 2.800.000 đồng, người này đưa tiền mặt cho NQT rồi chở đoạn cần kelly đi. Số tiền này NQT dùng để mua thức ăn, bia để nhậu chung với công nhân ở công trình.

Ngày 25/7/2024, NQT liên hệ NNT1 là người mua bán phế liệu để bán cho NNT1 01 tấm tôn thép lót đường kích thước 6mx12m, dày 1,8cm, NNT1 đồng ý. Đến khoảng 10 giờ 00 phút ngày 25/7/2024, NNT1 điều khiển xe ô tô tải BKS 43c-10861 xuống công trình cầu An NNT1 2 gặp NQT. NNT1 dừng xe ô tô trên cầu An NNT1 2 rồi NQT điều khiển xe cầu tại công trình cầu tấm tôn thép từ gầm cầu lên xe cho NNT1. Sau khi NQT cầu xong tấm tôn thì NNT1 và NQT nói chuyện thống nhất NNT1 sẽ mua với giá sắt phế liệu là 8.000 đồng/ kg, NNT1 sẽ chở tấm tôn đi cân rồi báo giá, chuyển tiền cho NQT sau. NNT1 chở tấm tôn nói trên đến cơ sở kinh doanh mua bán phế liệu của bà VTXN để bán cho bà VTXN. NNT1 và nhân viên của bà VTXN cân tấm tôn được 10.800.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ bà VTXN thì NNT1 nhờ vợ là NTN sử dụng tài

khoản ngân hàng 0962242728 mở tại ngân hàng MB của NTN chuyển số tiền 9.600.000 đồng sang tài khoản ngân hàng số 55110000928694 mở tại ngân hàng BIDV của NQT. Số tiền này NQT tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi bán tấm tôn lót đường nói trên cho NNT1, NQT tự ý nghỉ việc rời khỏi công trường thi công cầu An Tân 2 rồi ra Thái Bình làm việc. Sau đó ông NNT vào công trình kiểm kê tài sản, thiết bị máy móc phát hiện bị mất các tài sản nêu trên nên đến trình báo với cơ quan điều tra. Đến ngày 31/10/2024, NQT đến Công an huyện Núi Thành, Quảng Nam đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận định giá tài sản số 112/KL-HĐĐGTS ngày 04/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Núi Thành xác định: giá trị thiệt hại của 01 tấm tôn lót đường, làm bằng kim loại, kích thước 6mx12m, dày 1,8cm, trọng lượng 1200kg, mua tháng 11/2021, đã qua sử dụng là 31.438.123 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 23/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Núi Thành xác định:

- 01 chiếc gầu khoan cắt vanh D1200, trọng lượng 1.000 kg, mua tháng 11 năm 2021 tại thời điểm định giá tháng 5/2024 có giá trị 46.668.050 đồng.
- 01 đoạn cần Kelly của máy khoan đường kính D445mm, làm bằng sắt, dài 2,92m, nặng 350kg, đã bị hư hỏng, không còn sử dụng được tại thời điểm định giá tháng 7/2024 có giá trị là 2.660.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 chiếc gầu khoan cắt vanh D1200, trọng lượng 1.000 kg do PVT giao nộp.

Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 32.500.000 đồng, bồi thường cho ông PVT số tiền 20.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp của bị hại có đơn không yêu cầu bồi thường dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại cáo trạng số 37/CT-VKS-NT ngày 18/4/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành truy tố bị cáo NQT về tội “*Tham ô tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo NQT về tội “*Tham ô tài sản*”, áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353 BLHS, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo NQT từ 03 năm tù đến 04 năm tù. Về dân sự: Các bên đã tự thỏa thuận về phần dân sự, bị hại không có yêu cầu gì khác nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa và lời nói sau cùng, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về

thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định: NQT là nhân viên của Công ty A, được phân công nhiệm vụ làm tổ trưởng bộ phận khoan cọc nhồi công trình cầu An Tân 2 tại thôn Long Bình, xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, quản lý toàn bộ máy móc, thiết bị, vật tư tại công trình. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, NQT tự ý bán cho NNT1 01 tấm tôn thép lót đường kích thước 6mx1,2m, dày 1,8cm, giá trị thiệt hại 31.438.123 đồng vào ngày 25/7/2024; tự ý cầm cố cho PVT 01 chiếc gàu cắt vanh D1200, giá trị thiệt hại 46.668.050 đồng vào ngày 31/5/2024; tự ý bán cho người mua phế liệu không rõ lai lịch 01 đoạn cần Kelly của máy khoan đường kính D445mm, dài 2,92m, giá trị thiệt hại 2.660.000 đồng. Số tiền bán, cầm cố các tài sản trên NQT dùng vào mục đích cá nhân. Giá trị tài sản mỗi lần bán, cầm cố đều trên 2.000.000 đồng, đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Như vậy, hành vi của bị cáo NQT đầy đủ yếu tố cấu thành tội "*Tham ô tài sản*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội; nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và hình phạt áp dụng thấy: Tham ô tài sản là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức, cụ thể trong vụ án này là Công ty A. Bị cáo NQT là người đã thành niên, đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo và bị hại có giao kết hợp đồng lao động miệng, được giao cho nhiệm vụ quản lý tài sản của công ty. Nhưng bị cáo lại lợi dụng quyền hạn của mình, chiếm đoạt tài sản có giá trị 80.766.173 đồng nhằm mục đích tiêu xài cá nhân. Do vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

[3.1] Tuy nhiên, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt; bị cáo đầu thú và đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có cha là ông Nguyễn Văn Đăng có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng huy chương kháng chiến hạng nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng để cân nhắc mức hình phạt phù hợp cho bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Theo quy định tại khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định; có thể bị phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên xét thấy bị cáo NQT hiện không có nghề nghiệp ổn định, bị áp dụng tù có thời hạn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Các vấn đề khác có liên quan:

[6.1] Về trách nhiệm dân sự: Các bên đương sự đã thoả thuận bồi thường xong và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

[6.2] Đối với PVT có hành vi cầm cố tài sản cho NQT nhưng chưa đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm cố tài sản theo quy định của pháp luật nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam đã đề nghị Công an tỉnh Quảng Nam xử phạt hành chính là phù hợp. PVT và NNT1 không biết các tài sản mà mình cầm cố, mua bán của NQT là tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý là thoả đáng.

[6.3] Đối với công ty A có hành vi vi phạm hành chính là “giao kết hợp đồng lao động không bằng văn bản với người làm công việc có thời hạn từ đủ 1 tháng trở lên” khi không ký hợp đồng lao động với bị cáo NQT, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng nam đã chuyển vụ việc cho Ủy ban nhân dân phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền là phù hợp.

[6.4] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông NNT, đại diện theo pháp luật của bị hại 01 chiếc gàu cắt vanh D1200, đã qua sử dụng, là tài sản của bị hại là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 353; Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo **NQT** phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

Xử phạt bị cáo: **NQT** 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 31/10/2024.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí: Bị cáo NQT phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THA huyện Núi Thành;
- Công an tỉnh Quảng Nam;
- PTTG khu vực Núi Thành;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Thuỳ